

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 4 năm 2025

**BÁO CÁO**  
**CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG VÀ LOẠI TRỪ BỆNH SÓT RÉT**  
**QUÝ 1 NĂM 2025**

**1. Tình hình sốt rét quý 1 năm 2025**

Trong quý 1 năm 2025, toàn khu vực Nam Bộ - Lâm Đồng ghi nhận tất cả 05 trường hợp bệnh sốt rét (THBSR) ngoại lai tại TP. Hồ Chí Minh; có 03 THB sốt rét ác tính (SRAT), không có bệnh nhân tử vong do sốt rét (Bảng 1).

Tổng số liều thuốc sốt rét đã sử dụng trong quý 1 năm 2025 của toàn khu vực là 05 liều điều trị bệnh nhân sốt rét (Bảng 2).

Tổng số xét nghiệm KSTSR được thực hiện tại các tuyến trong toàn khu vực là 45.425 xét nghiệm, giảm 9,95% so với cùng kỳ 2024 (45.425/50.442), số KSTSR được phát hiện chiếm 0,011%. Trong đó, có 03 KSTSR do *P. malariae* chiếm 60% (03/05), 02 KSTSR do *P. falciparum* chiếm 40% (02/05), không có *P. vivax*, và trường hợp bệnh nhiễm KSTSR phối hợp.

**2. Tình hình sốt rét quý 1 năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024**

Số THBSR toàn khu vực trong quý 1 năm 2025 giảm 50% (05/10 THBSR) so với cùng kỳ năm 2024, tất cả 05 trường hợp bệnh sốt rét (THBSR) ngoại lai tại TP. Hồ Chí Minh (trong đó có 01 THB SR nội địa tại tỉnh Bình Phước), không có trường hợp bệnh tử vong do sốt rét (Bảng 3).

Trong đó: Số THBSR giảm 100% tại tỉnh Lâm Đồng, Bình Phước, Trà Vinh và tỉnh Kiên Giang (00/01 THBSR), còn tại Tp. Hồ Chí Minh không tăng không giảm (05/05) (Bảng 5).

Tổng số xét nghiệm được thực hiện trong quý 1 năm 2025 là 45.425 xét nghiệm, giảm 9,95% so với cùng kỳ 2024 (45.425/50.442). Trong đó, test chẩn đoán nhanh là 9.844, xét nghiệm bằng lam máu soi kính hiển vi là 30.166, xét nghiệm lam và test chẩn đoán nhanh là 5.415. Số ký sinh trùng sốt rét (KSTSR) (+) được phát hiện giảm 50% (05/10 KSTSR) so với cùng kỳ năm 2024 (Bảng 4).

Trong quý 1 năm 2025 tổng số lam xét nghiệm ký sinh trùng sốt rét của TTKSBT các tỉnh, thành phố khu vực Nam Bộ - Lâm Đồng gửi về Viện để kiểm tra với tổng số 3.735 lam, trong đó: 01 lam dương tính (*P.v*) và 3.734 lam âm tính.

Về tình hình gửi lam kiểm tra quý 1 năm 2025: 20/20 tỉnh đã gửi lam kiểm tra, 20/20 tỉnh có kết quả kiểm tra soi đúng 100% (Bảng 6).

### 3. Ý kiến chỉ đạo

Tiếp tục tăng cường công tác điều tra, giám sát, quản lý những đối tượng dân di biến động trở về địa phương từ các vùng sốt rét lưu hành trong và ngoài nước, vùng sốt rét kháng thuốc nhằm chủ động phát hiện sớm trường hợp nhiễm KSTSR giúp ngăn chặn sốt rét lây lan trong cộng đồng.

Tiếp tục tăng cường công tác giám sát chẩn đoán, phát hiện, điều trị bệnh nhân sốt rét theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại Quyết định số 3377/QĐ-BYT ngày 30/8/2024. Báo cáo trường hợp bệnh, hoạt động phòng chống sốt rét lên hệ thống báo cáo bệnh truyền nhiễm (eCDS-MMS) theo quy định tại Quyết định số 4922/QĐ-BYT ban hành ngày 25/10/2021 về hướng dẫn giám sát và phòng chống bệnh sốt rét.

Tăng cường công tác truyền thông giáo dục sức khỏe cho người dân trong cộng đồng nâng cao nhận thức về phòng bệnh sốt rét, đặc biệt người trở về nước từ vùng sốt rét lưu hành trong, ngoài nước. Nội dung, hình thức tuyên truyền phù hợp với từng địa phương và tập quán sinh hoạt của người dân ở từng vùng địa lý khác nhau.

Kịp thời báo cáo về Viện Sốt rét - KST - CT TP. Hồ Chí Minh những diễn biến bất thường trong công tác phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét để có biện pháp giải quyết. *Khưu*

#### Nơi nhận:

- Cục Phòng Bệnh (để b/c);
- TT. Nguyễn Thị Liên Hương (để b/c);
- Viện SR-KST-CT TW;
- SYT các tỉnh/TP khu vực NB-LĐ;
- TTKSBT các tỉnh/TP khu vực NB-LĐ;
- Ban Biên tập website Viện;
- Lưu: VT, DT, KH.

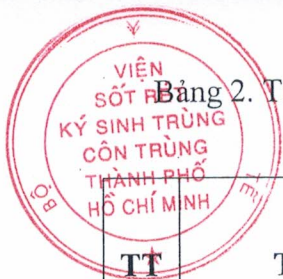






**Bảng 1.** Tình hình bệnh nhân sốt rét tại khu vực Nam Bộ - Lâm Đồng

TT	TỈNH/TP	Tổng số THB SR	THB SR thường	THB SRAT	TV do SR	KST Nội địa	Số ổ bệnh	THB XN G6PD (P.v)
1	Lâm Đồng	0	0	0	0	0	0	0
2	Đồng Nai	0	0	0	0	0	0	0
3	Bình Dương	0	0	0	0	0	0	0
4	Bình Phước	0	0	0	0	1	1	0
5	Tây Ninh	0	0	0	0	0	0	0
6	Bà Rịa - Vũng Tàu	0	0	0	0	0	0	0
7	TP. Hồ Chí Minh	5	2	3	0	0	0	0
8	Long An	0	0	0	0	0	0	0
9	Tiền Giang	0	0	0	0	0	0	0
10	An Giang	0	0	0	0	0	0	0
11	Bến Tre	0	0	0	0	0	0	0
12	Kiên Giang	0	0	0	0	0	0	0
13	Đồng Tháp	0	0	0	0	0	0	0
14	Vĩnh Long	0	0	0	0	0	0	0
15	Trà Vinh	0	0	0	0	0	0	0
16	Cần Thơ	0	0	0	0	0	0	0
17	Hậu Giang	0	0	0	0	0	0	0
18	Sóc Trăng	0	0	0	0	0	0	0
19	Bạc Liêu	0	0	0	0	0	0	0
20	Cà Mau	0	0	0	0	0	0	0
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>5</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>0</b>



Bảng 2. Tình hình sử dụng thuốc điều trị sốt rét tại khu vực Nam Bộ - Lâm Đồng

TT	TỈNH/TP	Tổng số BNSR	Tổng số liều thuốc sử dụng				
			Tổng số	Điều trị BNSR	Cấp thuốc tự điều trị	Điều trị khác	Điều trị MR
1	Lâm Đồng	0	0	0	0	0	0
2	Đồng Nai	0	0	0	0	0	0
3	Bình Dương	0	0	0	0	0	0
4	Bình Phước	0	0	0	0	0	0
5	Tây Ninh	0	0	0	0	0	0
6	Bà Rịa - Vũng Tàu	0	0	0	0	0	0
7	TP. Hồ Chí Minh	5	5	5	0	0	0
8	Long An	0	0	0	0	0	0
9	Tiền Giang	0	0	0	0	0	0
10	An Giang	0	0	0	0	0	0
11	Bến Tre	0	0	0	0	0	0
12	Kiên Giang	0	0	0	0	0	0
13	Đồng Tháp	0	0	0	0	0	0
14	Vĩnh Long	0	0	0	0	0	0
15	Trà Vinh	0	0	0	0	0	0
16	Cần Thơ	0	0	0	0	0	0
17	Hậu Giang	0	0	0	0	0	0
18	Sóc Trăng	0	0	0	0	0	0
19	Bạc Liêu	0	0	0	0	0	0
20	Cà Mau	0	0	0	0	0	0
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>5</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>





Bảng 3. Tình hình sốt rét trong quý 1 năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024

STT	CHI TIẾT	Quý 1/2025	Quý 1/2024	So sánh	
				% Tăng	% Giảm
1	Tổng số lam xét nghiệm	45.425	50.442		9,95
2	Tổng số KST (+)	5	10		50
3	Tỷ lệ % KST (+)/ lam XN	0,011	0,020		45
4	Tổng <i>P. falciparum</i> và PH có <i>P. f</i>	2	4		50
5	Tỷ lệ % <i>P. falciparum</i> /KST (+)	40,00	40,00		
6	Tổng số THBSR	5	10		50
7	THB SR/1000 dân	0,0002	0,00030		33,33
8	Tổng số THB SRAT	3	2	50,00	
9	Tỷ lệ % SRAT/THB SR	60	20		200,00
10	Tổng số tử vong do SR	0	0		
11	Tỷ lệ % tử vong / SRAT	0	0		
12	Tỷ lệ tử vong / 100.000 dân	0	0		
13	Dịch sốt rét	không	không		
14	Tổng số lượt người điều trị	5	20		75,00
15	Tổng số lượt người bảo vệ	0	0		
16	Huấn luyện chuyên khoa sốt rét	3.140	4.445		29,36



Bảng 4. Tình hình xét nghiệm KSTSR trong quý 1 năm 2025 tại khu vực Nam Bộ - Lâm Đồng

TT	Tỉnh, Thành	Test nhanh	Lam	Lam và test nhanh	Tổng xét nghiệm	KST (+)	% KST/lam	P.f	P.v	P.m	P.o	P.k	PH
1	Lâm Đồng	3.058	6.202	1.398	10.658	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Đông Nai	266	1.849	17	2.132	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Bình Dương	1.389	2.056	-	3.445	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Bình Phước	3.448	9.455	2.740	15.643	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Tây Ninh	419	1.538	437	2.394	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Bà Rịa - Vũng Tàu	451	307	105	863	0	0	0	0	0	0	0	0
7	TP. Hồ Chí Minh	52	20	706	778	5	0,643	2	0	3	0	0	0
8	Long An	56	1.473	12	1.541	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Tiền Giang	0	485	0	485	0	0	0	0	0	0	0	0
10	An Giang	0	719	0	719	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Bến Tre	0	60	0	60	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Kiên Giang	194	63	0	257	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Đồng Tháp	0	458	0	458	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Vĩnh Long	0	859	0	859	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Trà Vinh	0	703	0	703	0	0	0	0	0	0	0	0
16	Cần Thơ	0	1.285	0	1.285	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Hậu Giang	0	197	0	197	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Sóc Trăng	263	1.081	0	1.344	0	0	0	0	0	0	0	0
19	Bạc Liêu	64	100	0	164	0	0	0	0	0	0	0	0
20	Cà Mau	184	1.256	0	1.440	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>9.844</b>	<b>30.166</b>	<b>5.415</b>	<b>45.425</b>	<b>5</b>	<b>0,011</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>



**Bảng 3. Tình hình sốt rét tại khu vực Nam Bộ - Lâm Đồng, quý 1 năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024**

TT	TỈNH/TP	Quý 1/2025										Quý 1/2024									
		TS THB	Ác tính	Từ vong	TS liều điều trị	TS XN	TS KS T	%KST /XN	Dịch SR	TS THB	Ác tính	Từ vong	TS liều điều trị	TS XN	TS KST	%KST /XN	Dịch SR				
1	Lâm Đồng	0	0	0	0	10.658	0	0	Không	1	0	0	1	15.672	1	0,006	Không				
2	Đồng Nai	0	0	0	0	2.132	0	0	-	0	0	0	0	1.689	0	0	-				
3	Bình Dương	0	0	0	0	3.445	0	0	-	0	0	0	0	3.920	0	0	-				
4	Bình Phước	0	0	0	0	15.643	0	0	-	2	0	1	1	12.592	2	0,016	-				
5	Tây Ninh	0	0	0	0	2.394	0	0	-	0	0	0	0	3.037	0	0	-				
6	BR - VT	0	0	0	0	863	0	0	-	0	0	0	0	251	0	0	-				
7	TP. HCM	5	3	0	5	778	5	0,643	-	5	2	5	5	767	5	0,652	-				
8	Long An	0	0	0	0	1.541	0	0	-	0	0	0	0	2.295	0	0	-				
9	Tiền Giang	0	0	0	0	485	0	0	-	0	0	4	4	802	0	0	-				
10	An Giang	0	0	0	0	719	0	0	-	0	0	0	0	1.203	0	0	-				
11	Bến Tre	0	0	0	0	60	0	0	-	0	0	0	0	187	0	0	-				
12	Kiên Giang	0	0	0	0	257	0	0	-	1	0	28	1	509	1	0,196	-				
13	Đồng Tháp	0	0	0	0	458	0	0	-	0	0	0	0	891	0	0	-				
14	Vĩnh Long	0	0	0	0	859	0	0	-	0	0	0	0	813	0	0	-				
15	Trà Vinh	0	0	0	0	703	0	0	-	1	0	1	1	911	1	0,110	-				
16	Cần Thơ	0	0	0	0	1.285	0	0	-	0	0	0	0	1.498	0	0	-				
17	Hậu Giang	0	0	0	0	197	0	0	-	0	0	0	0	325	0	0	-				
18	Sóc Trăng	0	0	0	0	1.344	0	0	-	0	0	0	0	1.609	0	0	-				
19	Bạc Liêu	0	0	0	0	164	0	0	-	0	0	0	0	192	0	0	-				
20	Cà Mau	0	0	0	0	1.440	0	0	-	0	0	0	0	1.279	0	0	-				
<b>Tổng cộng</b>		<b>5</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>5</b>	<b>45.425</b>	<b>5</b>	<b>0,011</b>	<b>-</b>	<b>10</b>	<b>2</b>	<b>40</b>	<b>10</b>	<b>50442</b>	<b>10</b>	<b>0,020</b>	<b>-</b>				







**Bảng 6.** Kết quả kiểm tra chất lượng lam xét nghiệm ký sinh trùng sốt rét trong Quý 1 năm 2025

T	Tỉnh/TP	TS	Kết quả nơi gửi kiểm tra						Đúng	Sai sót				
			(-)	Lam (+)				Thiếu. thừa thể		Thiếu. thừa PH	(-) ↔ (+)	Sai chũng	(%)	
				P.f	P.v	P.m	P.o							P.k
1	Lâm Đồng	1085	1085	0	0	0	0	0	0	1085	0	0	0	0,00
2	Đồng Nai	199	199	0	0	0	0	0	0	199	0	0	0	0,00
3	Bình Dương	232	232	0	0	0	0	0	0	232	0	0	0	0,00
4	Bình Phước	1458	1458	0	1	0	0	0	0	1459	0	0	0	0,00
5	Tây Ninh	132	132	0	0	0	0	0	0	132	0	0	0	0,00
6	BR-VT	3	3	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0,00
7	TP. HCM	7	7	0	0	0	0	0	0	7	0	0	0	0,00
8	Long An	10	10	0	0	0	0	0	0	10	0	0	0	0,00
9	Tiền Giang	97	97	0	0	0	0	0	0	97	0	0	0	0,00
10	An Giang	47	47	0	0	0	0	0	0	47	0	0	0	0,00
11	Bến Tre	3	3	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0,00
12	Kiên Giang	7	7	0	0	0	0	0	0	7	0	0	0	0,00
13	Đồng Tháp	154	154	0	0	0	0	0	0	154	0	0	0	0,00
14	Vĩnh Long	80	80	0	0	0	0	0	0	80	0	0	0	0,00
15	Trà Vinh	56	56	0	0	0	0	0	0	56	0	0	0	0,00
16	Cần Thơ	20	20	0	0	0	0	0	0	20	0	0	0	0,00
17	Hậu Giang	29	29	0	0	0	0	0	0	29	0	0	0	0,00
18	Sóc Trăng	37	37	0	0	0	0	0	0	37	0	0	0	0,00
19	Bạc Liêu	10	10	0	0	0	0	0	0	10	0	0	0	0,00
20	Cà Mau	68	68	0	0	0	0	0	0	68	0	0	0	0,00
<b>Tổng cộng</b>		<b>3.735</b>	<b>3.734</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3.735</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>